TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-02-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Thu Thảo;

2. Ông Huỳnh Văn Bé.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 556/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 376/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trường T, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 86/3A Tỉnh lộ 9, Tổ C, Ấp N, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Hà Thị Ngọc H, sinh năm 1976 (có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 86/3A Tỉnh lộ 9, Tổ C, Ấp N, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 12/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Trường T trình bày:

Ông và bà Hà Thị Ngọc H tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 1997, đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 29/9/1997. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng về sau thì ông và bà H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, có nhiều khác biệt về cách sống, thường xuyên cãi nhau làm cho gia đình không hạnh phúc. Sau những mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, ông và bà H không còn tình

cảm với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Hà Thị Ngọc H.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1998; Nguyễn Ngọc Anh T, sinh năm 2002 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 24/01/2011. Hiện nay, trẻ L đang sống chung với bà H nên ông đồng ý giao cho cho bà H tiếp tục nuôi và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Trường T xác định không có, nhà đất hiện tại đang ở là do cha mẹ ruột ông cho nhưng chưa sang tên, ông xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Nguyễn Trường T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao), giấy khai sinh (bản sao), căn cước công dân, hộ khẩu của ông T và bà H (bản photocopy).

Tại bản tự khai ngày 26/11/2021 bị đơn bà Hà Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 1997, đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 29/9/1997 và có 03 con chung như lời trình bày của ông T. Tuy nhiên, bà đề nghị nếu ly hôn thì ông T phải giao nhà đất cho con chung tên Nguyễn Thành L đứng tên và bà sẽ là người giám hộ thì bà sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1998; Nguyễn Ngọc Anh T, sinh năm 2002 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 24/01/2011. Hiện nay, trẻ L do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng nên bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thành L và bà đồng ý mức cấp dưỡng của ông T là mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà Hà Thị Ngọc H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng có nguyện vọng ông T phải để lại căn nhà hiện tại bà và con bà đang ở sang tên cho con chung tên Nguyễn Thành L, bà là người giám hộ.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Hà Thị Ngọc H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Căn cước công dân (bản photocopy); Bản tự khai bà H và bả tự khai của trẻ L.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Trường T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Hà Thị Ngọc H.

Bị đơn bà Hà Thị Ngọc H chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện ông T phải sang tên nhà cho con chung tên Nguyễn Thành L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã B, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Nguyên đơn ông Nguyễn Trường T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trường T và bà Hà Thị Ngọc H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 87, ngày 29/9/1997 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Trường T xin ly hôn với bà Hà Thị Ngọc H là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của ông T thì mâu thuẫn giữa ông và bà H là trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, có nhiều khác biệt về cách sống, thường xuyên cãi nhau làm cho gia đình không hạnh phúc.

Tại phiên tòa, bà Hà Thị Ngọc H trình bày: Cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn và không còn hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm và ông T không chung thuỷ nên giữa bà và ông T không còn tình cảm. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý ly hôn, bà chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện ông T phải sang tên nhà cho con chung tên Nguyễn Thành L và bà là người giám hộ. Hội đồng xét xử xét thấy lý do bà H đưa ra để không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà H không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1998; Nguyễn Ngọc Anh T, sinh năm 2002 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 24/01/2011. Hiện nay, trẻ L chưa trưởng thành và đang sống chung với bà H. Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 26/11/2021 trẻ L có nguyện vọng được sống chung với bà H nên Hội đồng xét xử quyết định giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thành L, sinh ngày 24/01/2011. Ông Nguyễn Trường T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu thi hành từ tháng 3/2022.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Trường T và bà Hà Thị Ngọc H xác định không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Ông Nguyễn Trường T và bà Hà Thị Ngọc H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Trường T và bà Hà Thị Ngọc H có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần buộc ông Nguyễn Trường T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Trường T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trường T được ly hôn với bà Hà Thị Ngọc H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 29/9/1997 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Trường T và bà Hà Thị Ngọc H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thành L, sinh ngày 24/01/2011 cho bà Hà Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Trường T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu thi hành từ tháng 3/2022.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Trường T và bà Hà Thị Ngọc H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Ông Nguyễn Trường T và bà Hà Thị Ngọc H xác định không có.

Nếu các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Trường T phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0086227 ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông T còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Thị Thanh Thà

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Củ Chi, ngày 24 tháng 5 năm 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 45 phút ngày 24 tháng 5 năm 2021

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1460/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc " Ly hôn" giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lan Phương, sinh năm 1987 (có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 97 đường Đào Văn Thử, Tổ 7, ấp Xóm Chùa, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 82A đường Đào Văn Thử, ấp Xóm Chùa, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn Trầm, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 13/3 đường 642, ấp Phước Hưng, xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử đã thống nhất quyết định:

I. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Kết quả biểu quyết: 3/3.

II. Về nội dung:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan Phương.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lan Phương được ly hôn với ông Huỳnh Tấn Trầm.

Giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01/2012 ngày 31/7/2012 của Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Lan Phương và ông Huỳnh Tấn Trầm không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Tấn Phát, sinh ngày 30/12/2012 cho bà Nguyễn Thị Lan Phương trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc bà Phương không yêu cầu ông Trầm cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Ông Trầm có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có.

Nếu ông Huỳnh Tấn Trầm có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Thị Lan Phương phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2019/0085326 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 24 tháng 5 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA